

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Định dạng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ các hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tổn hoạt động sản xuất kinh doanh: Sản xuất phần mềm

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2024

[02] Lần đầu:  [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổn người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MỚI

[05] M số thuế: 1234567891234

[06] Tổn đại lý thuế (nếu có): ĐẠI LÝ THUẾ ABC

[07] M số thuế: 1234567891234

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 123/HDL-2024 ngày 01/01/2024

[09] Tổn đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh không ở tỉnh nơi đăng ký trụ sở chính: CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

[10] M số thuế đơn vị phụ thuộc/M số địa điểm kinh doanh: 0101234567-001

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh không ở tỉnh nơi đăng ký trụ sở chính:

[11a] Phường/xã Phường Minh Khai [11b] Quận/Huyện Quận Hồng  
Bàng [11c] Tỉnh/Thành phố Hải Phòng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiết	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa扣thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phải sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	[22]	5.000.000
C	Khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngay sau khi nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị vay thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	150.000.000
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a]	20.000.000
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này	[25]	15.000.000
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	0

2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27]	300.000.000	[28]	30.000.000
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	0		
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	300.000.000	[33]	30.000.000
d	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	10.000.000		
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34]	300.000.000	[35]	30.000.000
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])			[36]	15.000.000
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của kỳ trước				
1	Điều chỉnh giảm			[37]	0
2	Điều chỉnh tăng			[38]	0
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bùn giao được khấu trừ trong kỳ			[39a]	0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:				
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≥ 0}			[40a]	10.000.000
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b] ≤ [40a])			[40b]	0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])			[40]	10.000.000
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này {[41]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≤ 0}			[41]	0
4.1	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ([42] ≤ [41])			[42]	0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])			[43]	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

ĐẠI DIỆN HỢP PHẤP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Họ và tên:.....

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chỉ tiđu [01a]: Người nộp thuế lựa chọn một trong cóc hoạt động sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh thường thường
- Hoạt động xô số kiến thiết, xô số điện ton
- Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí
- Dự u n đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng khác địa bản tỉnh nơi đóng trụ sở chính
- Nhà máy sản xuất điện khác địa bản tỉnh nơi đóng trụ sở chính.

2. Chỉ tiđu [09], [10], [11]: Khai thường tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính đối với cóc trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để khai về chỉ tiđu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để khai về chỉ tiđu này.

3. Chỉ tiđu [32a]: Khai giá trị hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp khác phải khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng.

4. Chỉ tiđu [37] và [38]: Khai theo số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm tại chỉ tiđu II trên Tờ khai bổ sung. Riêng trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đóng ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế có điều chỉnh tương ứng cóc kỳ tính thuế trước thì khai về hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế nhận được kết luận, quyết định xử lý về thuế (khác phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế).

5. Chỉ tiđu [39a]: Khai số thuế GTGT cón được khấu trừ chưa đè nghị hoàn của dự u n đầu tư chuyển cho người nộp thuế tiếp tục khấu trừ (là số thuế GTGT cón được khấu trừ, không đủ điều kiện hoàn, không hoàn máy người nộp thuế đóng kết khai riêng tờ khai thuế dự u n đầu tư) khi dự u n đầu tư đóng hoạt động hoặc số thuế GTGT cón được khấu trừ chưa đè nghị hoàn của hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phụ thuộc khi chấm dứt hoạt động,

6. Chỉ tiđu [40b]: Khai tổng số thuế đóng khai tại chỉ tiđu [28a] và [28b] của cóc Tờ khai mẫu số 02/GTGT/.